

Bản án số: **105/2023/HS - ST**
Ngày: 03/07/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Chương**

Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Lương Anh Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan

Thư ký pH tòa: **Bà Phạm Thị Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia pH tòa:

Ông Nguyễn Anh Nguyễn - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2023/TLST - HS ngày 12/06/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST - HS ngày 16/06/2023 đối với bị cáo:

BÙI THẾ T, sinh năm 1982; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi T Thực (đã chết), con bà Nguyễn Thị H; Có vợ là: Nguyễn Thị H và 02 con, sinh năm 2003, 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: ngày 15/4/2022, bị công an huyện C xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; Nhân thân: 03 tiền án đã xóa án tích: Ngày 21/5/2008, Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử 09 tháng tù cho hưởng án treo thử thách 18 tháng về tội trộm cắp tài sản (Bản án số 83/2008/HSST). Ngày 16/9/2013, Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Bản án số 223/2013/HSST). Ngày 18/4/2019, Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử 24 tháng tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 45/2019/HSST); Danh, chỉ bản số 253 lập ngày 17/04/2023 tại Công an huyện T, thành phố Hà Nội; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/04/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an thành phố Hà Nội (Có mặt).

Bi hai: Anh Nguyễn Hải C, sinh năm 1990; HKTT: xã N, huyện H, Thái Bình; Nơi cư trú: phố K, xã L, huyện T, Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: phường P, quận Đ, Hà Nội (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: xã V, huyện T, Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 ngày 06/4/2023, Bùi Thế T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda màu đỏ BKS: 29T1 - 232.96 đi từ nhà T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội đến thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội với mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi ‘qua nhà chị Nguyễn Thị N thôn V, xã V, huyện T, Hà Nội, T phát hiện thấy anh Nguyễn Hải C (SN: 1990, HKTT: xã N, huyện T, Thái Bình) đang nằm ngủ ở phòng khách nhà chị N trên bàn uống nước anh C có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu gold và trên kệ cạnh bàn uống nước có để 1 ví da màu đen. Quan sát xung quanh thấy không có ai nên T lén lút đi vào trong phòng khách trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động và 1 ví da này rồi bỏ đi. Trên đường đi, T kiểm tra chiếc điện thoại Iphone XS màu vàng gold thì thấy phần lưng điện thoại bị vỡ, kiểm tra bên trong ví da T thấy có số tiền 1.400.000 đồng cùng một số giấy tờ tùy thân mang tên Nguyễn Hải C. T liền giữ lại tiền và giấy tờ còn chiếc ví da T vứt bỏ ở dọc đường (T không nhớ vị trí). Sau đó T mang chiếc điện thoại Iphone XS trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại di động của anh Phạm Xuân T (SN: 1985, HKTT: xã N, huyện L, Hòa Bình) ở đường Q, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội. T nói với anh T đây là điện thoại của mình và nhờ anh T kiểm tra điện thoại. Kiểm tra xong anh T nói với T chiếc điện thoại này bị vỡ kính ốp lưng sau và không bật nguồn được. T liền thỏa thuận bán chiếc điện thoại cho anh T với giá 1.500.000 đồng. Anh T đã mua chiếc điện thoại và trả cho T 1.500.000 đồng, số tiền này T đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 07/04/2023 anh C đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Ngày 08/04/2023, T đã đến Công an xã V đầu thú và tự nguyện giao nộp: 01 giấy phép lái xe số ATI 441104 cấp ngày 26/4/2010, 01 giấy phép lái xe số 310195000726 cấp ngày 22/4/2019 cùng 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 161960521 cấp ngày 28/3/2008 đều mang tên Nguyễn Hải C và số tiền 2.900.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda màu đỏ gắn BKS 29T1 - 232.96 đã qua sử dụng, 01 đăng ký xe máy số 016953 mang BKS 29T1 - 232.96 cấp ngày 17/06/2013, 01 ví da màu đen.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành rà soát truy tìm chiếc ví da của anh C mà T đã vứt bỏ trên đường đi nhưng không thu hồi được chiếc ví này.

Ngày 08/04/2023, bà Nguyễn Thị N đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 01 USB bên trong có 01 tệp video ghi lại được hình ảnh T trộm cắp. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với tệp video bà N giao nộp. Tại Bản kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *“Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video gửi giám định”*.

Ngày 17/10/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại và ví da Bùi Thế T đã trộm cắp của anh C. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54 ngày 12/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

“+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS/64Gb, màu gold ốp lưng bị rạn đã qua sử dụng trị giá: 3.500.000 đồng.

+ 01 ví da: không định giá do không rõ đặc điểm do tài sản bị mất không thu hồi được.”

Tại cơ quan điều tra, Bùi Thế T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với anh Phạm Xuân T mua chiếc điện thoại Iphone XS màu vàng gold của T nhưng không biết đây là tài sản do Bùi Thế T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T không đề cập xử lý.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu gold đã qua sử dụng, giấy phép lái xe số ATI 441104 cấp ngày 26/4/2010, 01 giấy phép lái xe số 310195000726 cấp ngày 22/4/2019 và 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 161960521 cấp ngày 28/3/2008 đều mang tên Nguyễn Hải C là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Hải C nên ngày 21/4/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã trao trả lại cho anh C, anh C đã nhận lại đồ vật, tài sản trên và không có ý kiến gì, anh C yêu cầu T phải bồi thường số tiền 1.400.000 đồng.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda màu đỏ, BKS 29T1-232.96 đã qua sử dụng, 01 đăng ký xe máy số 016953 mang BKS 29T1 - 232.96 cấp ngày 17/06/2023 là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H (SN: 1984, HKTT: phường P, quận Đ, Hà Nội là vợ của Bùi Thế T). Chị H không biết và không liên quan đến việc Bùi Thế T sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Nên ngày 01/6/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho chị H. Chị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Pro màu đen, 01 ví da màu đen, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Thế T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của T. T không dùng các đồ vật, tài sản này vào việc phạm tội nên ngày 01/6/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho chị H nhận lại tài sản theo yêu cầu của T.

Đối với số tiền 2.900.000 đồng T giao nộp tại Công an xã V. Quá trình điều tra xác định: trong số tiền T giao nộp có 1.400.000 đồng là số tiền T lấy từ ví da

của anh Nguyễn Hải C và 1.500.000 đồng là số tiền cá nhân T lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội của T, Cơ quan điều tra đang tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 108/CT - VKS - TT ngày 12/06/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đã truy tố Bùi Thế T về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo Bùi Thế T thành khẩn khai nhận toàn bộ những hành vi của mình đã trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Hải C. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng với những hành vi bị cáo đã thực hiện. Khi được nói lời sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt vì hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn. Đối với các tài sản cá nhân của bị cáo, theo yêu cầu của bị cáo Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H là vợ bị cáo, bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì.

* Người bị hại là anh Nguyễn Hải C có đơn xin vắng mặt giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, anh C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.400.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Xuân T, chị Nguyễn Thị N xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra. Anh T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền 1.500.000 đồng do anh mua chiếc điện thoại Iphone XS màu vàng gold của bị cáo.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, chị đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy BKS 29T1 - 232.96 và không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Hải C số tiền 1.400.000 đồng. Về xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB màu trắng do chị Nguyễn Thị N giao nộp, buộc bị cáo phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 1.500.000 đồng đây là tiền bị cáo có được do bán chiếc điện thoại Iphone XS màu gold bị cáo trộm cắp được cho anh Phạm Xuân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Kết luận định giá tài sản có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/4/2023, tại phòng khách nhà chị Nguyễn Thị N ở xã V, huyện T, thành phố Hà Nội, Bùi Thế T đã trộm cắp của anh Nguyễn Hải C 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS/64Gb, màu gold trị giá: 3.500.000 đồng và số tiền 1.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của anh C là 4.900.000 đồng.

Hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hải C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại cáo trạng là có căn cứ pháp lý. Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng do hám lợi nên cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân, do đó cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo đảm trật tự trị an xã hội cần phải nghiêm trị, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả của vụ án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú và được bị hại là anh Nguyễn Hải C xin giảm nhẹ hình phạt nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có 01 tiền sự chưa hết thời hiệu bị coi là xử lý hành chính và 03 tiền án đã được xóa án tích thể hiện nhân thân xấu, liên tục có hành vi vi phạm pháp luật nên cần xem xét khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: «*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*». Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Hải C đã nhận lại các tài sản do bị cáo trộm cắp chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.400.000 đồng là có căn cứ nên buộc bị cáo phải bồi thường cho anh C 1.400.000 đồng. Đối với anh Phạm Xuân T mua chiếc điện thoại Iphone XS màu gold của bị cáo bán cho anh T giá 1.500.000 đồng nhưng anh T không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền này nên không xem xét.

[7] Về việc xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp:

* Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu gold đã qua sử dụng, giấy phép lái xe số ATI 441104 cấp ngày 26/4/2010, 01 giấy phép lái xe số 310195000726 cấp ngày 22/4/2019 và 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 161960521 cấp ngày 28/3/2008 đều mang tên Nguyễn Hải C là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Hải C nên ngày 21/4/2023, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh C, anh C đã nhận lại đồ vật, tài sản trên và không có ý kiến gì.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda màu đỏ gắn BKS 29T1-232.96 đã qua sử dụng, 01 đăng ký xe máy số 016953 mang BKS 29T1 - 232.96 cấp ngày 17/06/2023 là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H (SN: 1984, HKTT: phường P, quận Đ, Hà Nội - là vợ của Bùi Thế T). Chị H không biết và không liên quan đến việc Bùi Thế T sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Nên ngày 01/6/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H. Chị đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Pro màu đen, 01 ví da màu đen, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Thế T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của T. T không dùng các đồ vật, tài sản này vào việc phạm tội nên ngày 01/6/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H nhận lại tài sản theo yêu cầu của T.

Việc xử lý đối với các vật chứng nêu trên của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.900.000 đồng T giao nộp tại Công an xã V. Quá trình điều tra xác định: trong số tiền T giao nộp có 1.400.000 đồng là số tiền T lấy từ ví da của anh Bùi Hải C và 1.500.000 đồng là số tiền cá nhân T lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội của T cơ quan điều tra đang tạm giữ cần xử lý để bồi thường cho anh C và đảm bảo việc thi hành án của bị cáo.

Đối với chiếc USB do chị Nguyễn Thị N giao nộp có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

* Về việc áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 1.500.000 đồng bị cáo có được do bán chiếc điện thoại Iphone XS màu gold cho anh Phạm Xuân T, anh

T không yêu cầu bị cáo trả lại nhưng đây là tiền bị cáo phạm tội mà có nên buộc bị cáo truy nộp sung công quỹ nhà nước.

[8] Về những vấn đề khác trong vụ án: Đối với anh Phạm Xuân T mua chiếc điện thoại Iphone XS màu gold của T nhưng không biết đây là tài sản do Bùi Thế T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T không đề cập xử lý là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thế T phạm “trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thế T **12 (Mười hai)** tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 08/04/2023.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 579 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Hải C 1.400.000 đồng, được trừ vào số tiền 2.900.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả hiện đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1048094 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội mở tại Kho bạc Nhà nước huyện T - 01701020 do Công an huyện T chuyển khoản theo ủy nhiệm chi số 28 ngày 22/05/2023.

4. Về xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB màu trắng do chị Nguyễn Thị N giao nộp.

- Áp dụng biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 1.500.000 đồng, được trừ vào số tiền 2.900.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả hiện đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1048094 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội mở tại Kho bạc Nhà nước huyện T - 01701020 do Công an huyện T chuyển khoản theo ủy nhiệm chi số 28 ngày 22/05/2023.

5. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại là anh Nguyễn Hải C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Công an huyện Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 02 - Công an thành phố Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H. Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

